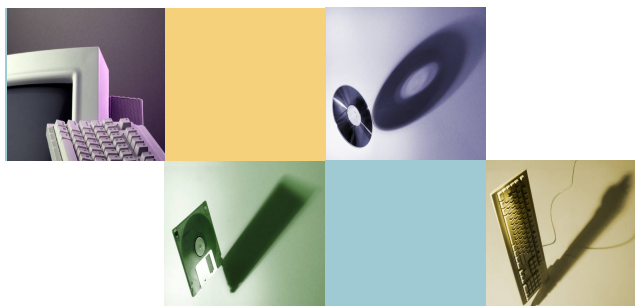




## Khoa CNTT – Hệ thống Thông tin Cơ sở dữ liệu



### Bài thực hành 3:

GV: Phan Thị Kim Loan

### Thực hành

- Bài thực hành:
  - Tạo CSDL – Quản Lý Nhân Viên
  - Giới thiệu công cụ SQL Query Analyzer
  - Giới thiệu cách script và tạo file SQL.
  - Một số câu query đơn giản
- Tuần tới
- Đọc sách phần Đại số quan hệ



## Tạo Database

- Cú pháp:

```
CREATE DATABASE <tên CSDL>
ON (
    NAME = 'Tên dữ liệu',
    FILENAME = 'Tên file dữ liệu và đường dẫn',
    SIZE = <kích thước ban đầu>,
    MAXSIZE = <kích thước tối đa>,
    FILEGROWTH = <kích thước tăng trưởng>)
LOG ON (
    NAME = 'Tên log',
    FILENAME = 'Tên file nhật ký và đường dẫn',
    SIZE = <kích thước ban đầu>,
    MAXSIZE = <kích thước tối đa>,
    FILEGROWTH = <kích thước tăng trưởng>)
```



Bài thực hành 3

3

## Ví dụ

```
CREATE DATABASE QLDA
ON (
    NAME = 'QLDA_Data',
    FILENAME = 'D:\QLDA_Data.mdf',
    SIZE = 10MB,
    MAXSIZE = UNLIMITED,
    FILEGROWTH = 5MB)
LOG ON (
    NAME = 'QLDA_Log',
    FILENAME = 'D:\QLDA_Log.ldf',
    SIZE = 5MB,
    MAXSIZE = UNLIMITED,
    FILEGROWTH = 2MB)
```



Bài thực hành 3

4

## Tạo Table

- Cú pháp:

```
CREATE TABLE <tên table>
(
    <tên thuộc tính 1> kiểu_dữ_liệu [not null],
    <tên thuộc tính 2> kiểu_dữ_liệu [not null],
    ...
    <tên thuộc tính n> kiểu_dữ_liệu [not null]
)
```



Bài thực hành 3

5

## Ví dụ

```
USE [QLDA]
GO

CREATE TABLE NhanVien
(
    MaNV      nvarchar(5) not null,
    HoNV      nvarchar(10) not null,
    TenLot    nvarchar(40) not null,
    TenNV     nvarchar(10) not null,
    PhaiNu    bit,
    NgaySinh  datetime not null,
    DiaChi    nvarchar(100),
    Luong     int,
    MaPB      nvarchar(2)
)
```



Bài thực hành 3

6

## Lệnh sửa cấu trúc - ALTER

- Tạo khóa chính cho table nhân viên

```

CREATE TABLE NhanVien
(
    MaNV      nvarchar(5) not null,
    HoNV      nvarchar(10) not null,
    TenLot    nvarchar(40) not null,
    TenNV     nvarchar(10) not null,
    PhaiNu    bit,
    NgaySinh  datetime not null,
    DiaChi    nvarchar(100),
    Luong     int,
    MaPB      nvarchar(2)
)

ALTER TABLE NhanVien ADD CONSTRAINT pk_NV PRIMARY KEY (MaNV)

```



Bài thực hành 3

7

## Lệnh sửa cấu trúc - ALTER

```

CREATE TABLE NhanVien
(
    MaNV      nvarchar(5) not null,
    HoNV      nvarchar(10) not null,
    TenLot    nvarchar(40) not null,
    TenNV     nvarchar(10) not null,
    PhaiNu    bit,
    NgaySinh  datetime not null,
    DiaChi    nvarchar(100),
    Luong     int,
    MaPB      nvarchar(2)
)

ALTER TABLE NhanVien ADD CONSTRAINT pk_NV PRIMARY KEY (MaNV)

ALTER TABLE NhanVien ADD CONSTRAINT fk_NV_PB
FOREIGN KEY (MaPB) REFERENCES PhongBan (MaPB)

```



Bài thực hành 3

8

## Thêm dữ liệu vào Table

- Cú pháp:

```
INSERT INTO tên_table VALUES (giá_trị_1, giá_trị_2,..., giá_trị_n)
```

```
INSERT INTO tên_bảng (t_tính 1, t_tính 2) VALUES (giá_trị_1, giá_trị_2)
```

- Ví dụ:

```
INSERT INTO NHANVIEN(HONV, TENLOT, TENNV, MANV)
```

```
VALUES ('Le', 'Van', 'Tuyen', '635635635')
```



Bài thực hành 3

9

## Các kiểu dữ liệu trong SQL Server

| Các kiểu dữ liệu | SQL Server  |
|------------------|---|
| Chuỗi ký tự      | varchar(n), char(n),<br>nvarchar(n), nchar(n)<br>Text   |
| Số               | tinyint, smallint, int<br>numeric, decimal, float, real |
| Ngày tháng       | smalldatetime, datetime                                 |



Bài thực hành 3

10

## Tham khảo

- <http://www.w3schools.com/Sql/>
- <http://www.tizag.com/sqlTutorial/sqldatabases.php>
- GOOGLE, GOOGLE, GOOGLE



Bài thực hành 3

11



kimloanpt@gmail.com



Bài thực hành 3

12